

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/02/2024
V/v: Không công nhận vợ chồng
giữa bà V và ông X.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Chính, ông Chu Hồng Văn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “Không công nhận là vợ chồng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXX- ST ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà Phùng Thị V, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Th, xã LM, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn X, sinh năm 1955 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: TDP PL 4, TT PS, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 03/10/2023 và trong các lời khai bà Phùng Thị V là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Đỗ Văn X tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào khoảng tháng 10 năm 1988, tại Ủy ban nhân dân xã Phương Sơn (nay là thị trấn Phương Sơn), huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay đe dọa. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 1989 vợ bà sinh con đầu tiên, đến năm 1991 bà sinh con thứ hai, kể từ đó thường X cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Do khi còn ở với nhau cãi vã và ông X thường X đánh đập bà nên bà phải bỏ đi làm thuê. Đến năm 1996, bà được một người quen biết xã hội rủ đi làm thuê rửa bát ở Hà Nội và bà đã đồng ý đi, tuy nhiên qua một đêm ngủ dậy thì bà phát hiện và bị lừa sang Trung Quốc, đi làm thuê. Bà ở Trung Quốc làm từ đó đến nay mới

về, trong thời gian ở Trung Quốc bà bị lừa vào rừng sâu ở địa chỉ nào thì bà không biết, làm nên không biết đường về nhà và không thể trốn về nhà được. Đến tháng 03 năm 2023 bà mới trốn được về nhà. Bà không có hợp đồng lao động gì ở Trung Quốc mà bị bắt cóc đi. Nay Bà đã về nước hẳn. Hiện nay bà đã mất giấy chứng nhận kết hôn, bà có lên UBND thị trấn Phương Sơn để xin cấp trích lục kết hôn nhưng UBND thị trấn Phương Sơn cũng không còn lưu trữ hồ sơ sổ sách kết hôn.

Nay bà xác định không còn tình cảm gì với ông Đỗ Văn X nữa, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông X.

Về con chung: Bà có 02 con chung là Đỗ Quý Trọng, sinh ngày 28/6/1989 và Đỗ Tuấn Nghĩa, sinh năm 1991 cả hai con chung của bà đều đã trưởng thành lập gia đình riêng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Đỗ Văn X trình bày: Ông và vợ ông là Phùng Thị V tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào khoảng tháng 10 năm 1988, tại Ủy ban nhân dân xã Phương Sơn (nay thị trấn Phương Sơn), huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay đe dọa. Tuy nhiên, hiện nay ông đã mất giấy chứng nhận kết hôn, ông có lên UBND thị trấn Phương Sơn để xin cấp trích lục kết hôn nhưng hiện nay UBND thị trấn Phương Sơn cũng không còn lưu trữ hồ sơ kết hôn của ông do thời gian đã quá lâu.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau một thời gian chung sống ông nhận thấy vợ ông là người lười làm, không chăm lo làm ăn chăm sóc gia đình. Khoảng đầu năm 1996, vợ ông bỏ đi biệt biệt tích không về nhà, ông cũng không biết vợ ông bỏ đi đâu, ông cũng không đi tìm. Hiện nay ông xác định đã không còn tình cảm với bà Phùng Thị V nữa. Ông bà đã ly thân từ năm 1996 đến nay, đã chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay bà Phùng Thị V làm đơn yêu cầu giải quyết không công nhận vợ chồng, quan điểm của ông là đồng ý.

Về con chung: Ông có 02 con chung là Đỗ Quý Trọng, sinh ngày 28/6/1989 và Đỗ Tuấn Nghĩa, sinh năm 1991. Cả hai con chung đã trưởng thành đều đã lập gia đình riêng. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, bà V chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, ông X có đơn xin xét xử vắng mặt. Qua biên bản xác minh với UBNDTT Phương Sơn thì xác định bà V ông X không Đăng ký kết hôn bà V ông X không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn. Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phùng Thị V và ông Đỗ Văn X là vợ chồng.

Về con chung: Các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận thấy:

1. *Về tố tụng:* Đơn khởi kiện của bà Phùng Thị V và các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức nội dung đơn khởi kiện. Ông X là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại, TT Phương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Do đó Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Ông Đỗ Minh X có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, HĐXX đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

2. *Về nội dung:* Bà V và ông X về chung sống với nhau năm 1988 ông bà có đến UBND xã đăng ký kết hôn nhưng do thời gian lâu cho nên không còn giữ được ĐKKH. Tại biên bản xác minh Tòa án đã xác minh với UBND TT Phương Sơn thì không có thông bà V và ông X có đăng ký kết hôn trong sổ sách lưu trữ. Các đương sự không cung cấp được giấy ĐKKH. Căn cứ vào các lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án HĐXX xử không công nhận bà V và ông X là vợ chồng.

Vì vậy xác mâu thuẫn giữa đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài bà V và ông X đã sống ly thân từ năm 1996 không còn quan hệ tình cảm và kinh tế, nên chấp nhận yêu không công nhận vợ chồng của bà V theo quy định tại Điều 14,53 Luật hôn nhân và gia đình.

3. *Về con chung*: Vợ ông X bà V có 2 con chung các con đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết về tài sản chung công nợ nên không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Bà V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 53, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận bà Phùng Thị V và ông Đỗ Văn X là vợ chồng.

2. *Về án phí*: Bà Phùng Thị V phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam ngày 03/10/2023 theo biên lai thu số 0000710.

3. *Về quyền kháng cáo*: Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND TT Phương Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lự

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ... phút, ngày 21 tháng 4 năm 2023.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Tiến Chinh, ông Nguyễn Xuân Chung.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 640/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về “Không công nhận là vợ chồng”, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình Xuân, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Chị Phạm Thị Lan, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tân Hương, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ vào các Điều 14, 53, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận anh Nguyễn Đình Xuân và chị Phạm Thị Lan là vợ chồng.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. *Về án phí:* Anh Nguyễn Đình Xuân phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam ngày 19/12/2022 theo biên lai thu số 0014291.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. *Về quyền kháng cáo:* Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được thông báo đặt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ ... phút, ngày 21 tháng 4 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Chinh Nguyễn Xuân Chung

Nguyễn Thị Lự

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ... phút, ngày 16 tháng 10 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thái và ông Nguyễn Xuân Chung.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 351/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”, giữa:

Nguyên đơn: Anh Văn Hóa Trưởng, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn Trí Yên, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Lưu Thị Dung, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn Trí Yên, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

- Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa anh Văn Hóa Trưởng và chị Lưu Thị Dung
- Về án phí:** Anh Trưởng phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003366 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ ... phút, ngày 16 tháng 10 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễn Hữu Thái Nguyễn Xuân
Chung**

Tạ Thị Thu Thủy